

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập PLC nâng cao (228264) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Lê Nhật Tuyên (280036)**

Số SV có mặt:11.....

Số bài thi:11.....

Số tờ giấy thi:11.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyên</i>	<i>Đỗ Phạm</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyên</i>	<i>Đỗ Phạm</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121060023	NGUYỄN VĂN CHÁNH	30/03/2003	CCQ2106A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121060001	PHẠM CÔNG CHIẾN	28/03/2003	CCQ2106A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121060002	HUỖNH QUỐC CÔNG	08/06/2003	CCQ2106A			<i>Công</i>	7.8	8.3	8.1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121060003	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	16/03/2003	CCQ2106A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121060015	DƯƠNG HOÀI ĐỨC	11/10/2003	CCQ2106A			<i>Đức</i>	7.1	7.0	7.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121060004	VÕ KHÁNH HƯNG	25/10/2002	CCQ2106A			<i>Hưng</i>	7.8	8.3	8.1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121060005	BÙI THANH KHOA	22/01/2003	CCQ2106A			<i>Thanh</i>	7.1	8.0	7.6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121060020	TRẦN ĐỨC KHÔI	28/02/1998	CCQ2106A			<i>Khôi</i>	8.5	9.0	8.8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121060018	NGUYỄN MINH HỨA	19/09/2003	CCQ2106A			<i>Hứa</i>	5.7	5.0	5.3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121060006	TRẦN BẢO LONG	30/05/2000	CCQ2115A			<i>Long</i>	7.6	9.0	8.4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121150026	NGUYỄN VĂN NHẬT	08/10/2003	CCQ2106A			<i>Phú</i>	7.0	8.0	7.6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121060009	LÊ PHÚ QUÍ	10/10/2002	CCQ2006A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121060011	HÀ NGỌC SÁNG	22/03/2003	CCQ2106A			<i>Sáng</i>	6.9	6.0	6.4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060050	TRẦN VĂN TÂM	07/04/2002	CCQ2006B							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121060014	LÊ NGỌC THÀNH	04/10/2003	CCQ2106A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121060012	NGUYỄN QUANG THÀNH	20/11/1998	CCQ2106A			<i>Thành</i>	8.0	8.5	8.3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121060013	PHAN QUỐC TOÀN	06/02/2002	CCQ2106A			<i>Toàn</i>	8.1	8.0	8.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121060017	NGUYỄN TẤN VINH	08/01/2003	CCQ2106A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121060021	HUỖNH NGỌC XUÂN	15/02/2003	CCQ2106A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

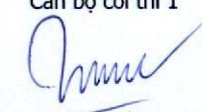
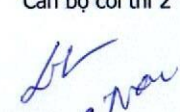
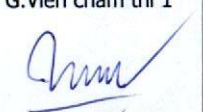
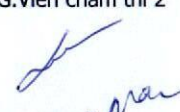
Môn học: **Thực tập PLC nâng cao (228264) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Lê Nhứt Tuyên (280036)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Lê Nhứt Tuyên	 Đỗ Phương Nam	 Nguyễn Lê Nhứt Tuyên	 Đỗ Phương Nam

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121060036	HUỖNH TIẾN CƯỜNG	10/06/2003	CCQ2106B				8.5	8.5	8.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121060034	PHẠM XUÂN DUY	22/03/2003	CCQ2106A				7.8	7.5	7.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121060045	NGUYỄN SỸ THÀNH	13/05/2003	CCQ2106B				7.7	7.0	7.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121060035	ĐẶNG THANH HIẾU	17/08/2003	CCQ2106A				7.3	7.0	7.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121060032	NGUYỄN HOÀNG HUÂN	17/09/2002	CCQ2106A				7.2	7.0	7.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121150013	NGUYỄN LÊ ĐỨC HUỐNG	13/12/2003	CCQ2115A				7.8	8.0	7.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
7	2120060013	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	15/11/1999	CCQ2006A				7.2	7.5	7.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121060039	NGUYỄN ĐẶNG KHOA	03/12/2003	CCQ2106B				7.8	8.0	7.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
9	2121060030	NGUYỄN MINH MỸ	06/02/2003	CCQ2106A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121060038	DƯƠNG PHÚ QUÝ	06/06/2003	CCQ2106B				7.8	8.0	7.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
11	2121060042	TÔ VĂN SƠN	01/02/2003	CCQ2106B				7.8	7.0	7.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121060025	PHẠM ĐỖ QUỐC TÂN	31/10/2003	CCQ2106A				6.7	5.5	6.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121060040	PHẠM THÀNH THẠCH	10/12/2003	CCQ2106B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121060046	ĐOÀN VĂN THANH	15/11/2003	CCQ2106B				8.1	8.5	8.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121060029	NGUYỄN QUANG TIẾN	09/12/2003	CCQ2106A				8.3	7.5	7.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
16	2120060030	VÕ MINH TRÍ	15/09/2002	CCQ2006A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121060044	THẬP VŨ TRƯỜNG	13/01/2002	CCQ2106B				7.7	7.0	7.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121060024	NGUYỄN VIỆT TUẤN	12/10/2003	CCQ2106A				7.6	7.5	7.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121060037	PHAN TRUNG VINH	23/02/2003	CCQ2106B				8.3	8.0	8.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121060033	PHAN LONG VŨ	19/11/2003	CCQ2106A				7.8	8.0	7.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9